TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8-LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/HN&GĐ-ST
Ngày 12-9-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8-LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Trương Thị Diễm My

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trọng Chuẩn và bà Trần Thị Gấm

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Lâm Oanh – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 8-Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8-Lâm Đồng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 8-Lâm Đồng cơ sở 02 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 35/2025/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 7 năm 2025 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2025/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8-Lâm Đồng, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N (tên gọi khác: Nguyễn Thị Hằng N), sinh ngày 12/06/1978; địa chỉ: Thôn S, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Mai Văn C (tên gọi khác: Mai Thanh C), sinh ngày 22/04/1972; địa chỉ: Thôn S, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/7/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày: Ngày 17/11/1997, chị Nguyễn Thị N và anh Mai Văn C đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (cũ), quá trình sống chung vợ chồng hạnh phúc. Tuy nhiên, khoảng 01 năm gần đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và xây dựng gia đình dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2025 đến nay nên tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh C. Về nuôi con chung: Chị N và anh C có 03 con chung là cháu Mai Thị Phương A, sinh ngày 10/02/1999; Mai Nguyễn Minh N1, sinh ngày 17/02/2008 và cháu Mai Quỳnh N2, sinh ngày 26/7/2016. Hiện nay, cháu Mai Thị Phương A đã

đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, hai cháu M Nguyễn Minh N1 và Mai Quỳnh N2 đang ở với chị N và chị N có đủ điều kiện để chăm sóc tốt cho hai cháu. Do vậy chị N đề nghị Tòa án giao 02 con chung cho chị N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi các con chung đủ tuổi trưởng thành. Anh Chương có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom con chung. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày: Anh Mai Văn C trình bày ngoài tên gọi Mai Văn C thì trước đây anh C còn có tên gọi Mai Thanh C nhưng có tài liệu, giấy tờ gì có liên quan đến tên gọi này hay không thì anh C không nhớ rõ vì đã quá lâu. Hiện nay, anh C chỉ sử dụng tên Mai Văn C theo căn cước công dân. Đối với yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị N, anh C không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Đối với các con thì đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của các con. Ngoài ra, anh C không có yêu cầu nào khác trong vụ án này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8-Lâm Đồng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng; các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định. Về nội dung: Sau khi đánh giá, phân tích nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016 /UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N, cụ thể: Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N ly hôn bị đơn anh Mai Văn C.Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Mai Nguyễn Minh N1, sinh ngày 17/02/2008 và cháu Mai Quỳnh N2, sinh ngày 26/7/2016 cho chị N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi các con chung đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Các vấn đề khác giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật có tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu giải quyết ly hôn và nuôi con chung nhưng bị đơn không đồng ý ly hôn nên xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp trong vụ án là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn trú tại thôn S, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8-Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

[1.3]. Về sự có mặt, vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn có mặt nên Hội đồng xét xử mở phiên tòa giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

[1.4]. Xét thấy chị Nguyễn Thị N và anh Mai Văn C đều thừa nhận cháu Mai Thị Phương A là con ruột của mình theo giấy khai sinh đề ngày 12/3/1999 (bản sao) với họ tên cha "Mai Thanh C" và họ tên mẹ "Nguyễn Thị Hằng N", trùng với họ tên của vợ "Nguyễn Thị Hằng N" và chồng "Mai Thanh C" tại giấy chứng nhận kết hôn đề ngày 17/11/1997; anh Mai Văn C cũng thừa nhận trước đây anh có tên gọi Mai Thanh C và căn cứ các tài liệu, chứng cứ được thu thập có lưu trong hồ sơ vụ án thì Hội đồng xét xử có căn cứ xác định chị Nguyễn Thị N có tên gọi khác Nguyễn Thị Hằng N và anh Mai Văn C có tên gọi khác là Mai Thanh C.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Ngày 17/11/1997, chị Nguyễn Thị N và anh Mai Văn C đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (cũ), quá trình sống chung vợ chồng hạnh phúc. Tuy nhiên, khoảng 01 năm gần đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và xây dựng gia đình dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2025 đến nay nên tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[2.2]. Về con chung: Chị N và anh C có 03 con chung là cháu Mai Thị Phương A, sinh ngày 10/02/1999; Mai Nguyễn Minh N1, sinh ngày 17/02/2008 và cháu Mai Quỳnh N2, sinh ngày 26/7/2016. Hiện nay, cháu Mai Thị Phương A đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, hai cháu M Nguyễn Minh N1 và Mai Quỳnh N2 đang ở cùng chị N và có nguyện vọng được tiếp tục ở cùng mẹ (chị N) nếu bố mẹ ly hôn; đồng thời, anh C đồng ý giao 02 con chung cho chị N nuôi dưỡng. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi cho các con chung được phát triển ổn định, đầy đủ và theo nguyện vọng của con chung thì yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung của chị Nguyễn Thị N là có căn cứ pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Giao 02 con chung là cháu Mai Nguyễn Minh N1, sinh ngày 17/02/2008 và cháu Mai Quỳnh N2, sinh ngày 26/7/2016 cho chị N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi các con chung đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét là đúng quy định pháp luật.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8-Lâm Đồng là có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81,

82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N, cụ thể:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N (tên gọi khác: Nguyễn Thị Hằng N) ly hôn bị đơn anh Mai Văn C (tên gọi khác: Mai Thanh C).

1.2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Mai Nguyễn Minh N1, sinh ngày 17/02/2008 và cháu Mai Quỳnh N2, sinh ngày 26/7/2016 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi các con chung đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết (do các đương sự không có yêu cầu).

2. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng theo biên lai số 0001272 ngày 25/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

3. Quyền kháng cáo: Bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 8-Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 8-Lâm Đồng;
- UBND xã N, Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trương Thị Diễm My